

Số: /QĐ-UBND Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu
Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng
khu công nghiệp An Việt - Quế Võ 6, tỷ lệ 1/2.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp An Việt - Quế Võ 6;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại: Báo cáo thẩm định số 86/SXD-BCTĐ ngày 24/6/2025, Văn bản số 636/SXD-QHKT ngày 04/8/2025, Văn bản số 1010/SXD-QHKT ngày 18/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp An Việt - Quế Võ 6, tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa bàn các phường Quế Võ và phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh, có ranh giới như sau: Phía tây bắc giáp Quốc lộ 17; Phía đông nam giáp khu vực dân cư hiện trạng khu Yên Đình, Phù Lang thuộc phường Đào Viên; Phía tây nam giáp khu vực quy hoạch KCN Quế Võ 3 mở rộng; Phía đông bắc giáp ruộng canh tác.

b) Quy mô quy hoạch: Khoảng 76,02 ha.

2. Mục tiêu, tính chất

a) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023.

- Hình thành khu công nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững, phát triển hạ tầng thương mại, thương mại điện tử.

- Tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ trong và ngoài nước.

- Tạo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút lao động chất lượng cao.

- Tạo ra các sản phẩm có khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu, hướng tới xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai các thủ tục đầu tư, xây dựng, vận hành khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Tính chất:

Là khu công nghiệp sạch, đa ngành tập trung thu hút các dự án theo các ngành nghề sản xuất công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử, sản xuất thiết bị điện tử; sản xuất linh kiện, phụ tùng, các dự án sử dụng tiết kiệm năng lượng công nghệ sạch không gây ô nhiễm môi trường.

3. Phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan

3.1. Phân khu chức năng:

a) Khu vực đất dịch vụ, hành chính (HCDV):

- Đất điều hành, dịch vụ (có bố trí chức năng lưu trú chuyên gia, ký hiệu HCDV1) có diện tích khoảng 1,01ha; mật độ xây dựng 40%; số tầng cao tối đa 9

tầng (cụ thể sẽ được xem xét trong quy hoạch ở các bước tiếp theo).

- Đất dịch vụ, hành chính (có bố trí chức năng lưu trú công nhân ký hiệu HCDV2): Diện tích khoảng 1,09ha; mật độ xây dựng 40%; số tầng cao tối đa 15 tầng (cụ thể sẽ được xem xét trong quy hoạch ở các bước tiếp theo).

b) Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng (ký hiệu CN): Tổng diện tích khoảng 52,85ha; số tầng cao tối đa 07 tầng; mật độ xây dựng 60%; chiếm tỷ lệ 69,52% diện tích toàn khu.

c) Đất bãi đỗ xe (ký hiệu P): Diện tích khoảng 0,28ha; số tầng cao tối đa 03 tầng; mật độ xây dựng tối đa 50%.

d) Đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HT): Diện tích khoảng 1,05ha; số tầng cao tối đa 03 tầng; mật độ xây dựng tối đa 60%. Bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật về xử lý nước thải, cấp nước, chất thải rắn đảm bảo quy định theo quy chuẩn hiện hành.

e) Đất cây xanh: Dải cây xanh cách ly chiều rộng tối thiểu 10,0m xung quanh khu công nghiệp và hệ thống cây xanh tập trung, tạo không gian xanh, kết hợp các tiện ích phục vụ nhu cầu khu công nghiệp.

f) Đất giao thông: Đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các chức năng trong khu công nghiệp và kết nối với hệ thống giao thông đối ngoại.

g) Đất trụ sở (An ninh, PCCC) có ký hiệu (PCCC): Diện tích khoảng 2,0ha, số tầng cao tối đa 03 tầng; mật độ xây dựng 40%.

3.2. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong khu công nghiệp theo hình thức kiến trúc sinh thái, công nghiệp công nghệ cao, hiện đại, hài hòa giữa các khu chức năng.

Toàn bộ khu quy hoạch cơ bản được triển khai tổ chức theo trục không gian chính: Trục Tây Bắc - Đông Nam là trục đường nối từ đường Quốc lộ 17 vào khu quy hoạch;

Từ hướng tổ chức không gian, bố trí các trục đường, các tuyến đường phụ chạy song song và vuông góc, tạo ra hệ trục không gian ô bàn cờ, đảm bảo khai thác hiệu quả;

Bố cục khu vực dịch vụ, công cộng phục vụ cho khu công nghiệp. Bố cục cây xanh công viên, hồ nước: xây dựng hệ thống cây xanh cách ly, hệ thống cây xanh, công viên cảnh quan đảm bảo đúng quy định và thuận lợi cho sử dụng; Xây dựng hệ thống hồ điều hòa, kênh tiêu thoát nước liên hoàn đảm bảo việc thoát nước thuận lợi, hiệu quả;

Các hạng mục công trình kiến trúc bố trí trong đồ án được thể hiện mô phỏng minh họa. Chi tiết công trình kiến trúc sẽ được thể hiện ở bước tiếp theo.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp sử dụng đất:

ST T	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	CN	528.550,57	69,52
1.1	<i>Đất xây dựng nhà máy, kho tàng 1</i>	<i>CN1</i>	277.597,11	36,51
1.2	<i>Đất xây dựng nhà máy, kho tàng 2</i>	<i>CN2</i>	170.341,82	22,41
1.3	<i>Đất xây dựng nhà máy, kho tàng 3</i>	<i>CN3</i>	80.611,64	10,60
II	Đất khu hành chính, dịch vụ 1	HCDV1	10.154,61	1,34
III	Đất khu hành chính, dịch vụ 2	HCDV2	10.989,10	1,45
IV	Đất cây xanh, mặt nước	CX, MN	98.179,89	12,91
4.1	<i>Cây xanh</i>	<i>CX</i>	79.286,20	10,53
4.2	<i>Mặt nước</i>	<i>MN</i>	18.893,69	2,51
V	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	10.577,86	1,39
VI	Đất giao thông, bãi đỗ xe tĩnh		81.738,29	10,75
6.1	<i>Đất giao thông</i>		78.927,05	10,48
6.2	<i>Bãi đỗ xe</i>	P	2.811,24	0,37
VII	Đất cơ quan, trụ sở (an ninh, PCCC)	PCCC	20.053,19	2,64
	Tổng		760.243,51	100

(Trong đó lô đất nhà máy, kho tàng ký hiệu CN3: Có bổ sung thêm đối tượng dành cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) Cao độ nền xây dựng

Cao độ khống chế tại các nút giao thông cơ bản tuân thủ theo quy hoạch cấp trên được phê duyệt. Cốt cao độ thiết kế đảm bảo đầu nổi phù hợp với các tuyến đường giao thông và khu dân cư hiện trạng hiện hữu;

Cao độ nền khống chế tại các nút giao thông từ 3,90m÷4,40m. Độ dốc san nền nhỏ nhất $I_{min}=0,5\%$ để đảm bảo thoát nước tự chảy; cao độ xây dựng toàn khu vực được khống chế bởi hệ thống cao độ tại các nút giao thông.

b) Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Toàn bộ khu công nghiệp được chia ra làm các lưu vực thoát nước nhỏ. Nước mặt từ các khu nhà máy, dịch vụ, công cộng, cây xanh...được thu vào hệ thống cống thoát

nước trên các tuyến đường giao thông và dẫn về hệ thống tiêu thoát nước của khu vực qua kênh Hiền Lương 2 thoát vào trạm bơm Hiền Lương và một phần qua kênh tiêu nội đồng thoát vào trạm bơm Quế Tân.

Đề xuất các giải pháp bảo vệ và bổ sung nguồn nước ngầm, đảm bảo tỷ lệ thấm nước mưa tối thiểu khoảng 50% với một số giải pháp như: Một phần bề rộng của vỉa hè không thực hiện lát và bố trí dải cây xanh trên vỉa hè các tuyến đường giao thông, sử dụng các hố ga thoát nước mưa cho phép nước mưa thấm qua thành và đáy hố ga qua các giếng thấm, giếng thấm trên bề mặt sân, vườn, khu cây xanh, công viên bán ngập.

Thiết kế các giải pháp kỹ thuật, sử dụng các giếng thấm thoát nước mưa, sử dụng vật liệu để đảm bảo tỷ lệ thấm nước mưa tối thiểu khoảng 50%, bổ sung nguồn nước ngầm tại chỗ.

5.2. Giao thông

Hệ thống đường giao thông trong khu quy hoạch được thiết kế theo cấu trúc ô bàn cờ, đảm bảo khả năng kết nối giữa các khu vực chức năng và kết nối khu vực nghiên cứu với hệ thống giao thông đối ngoại.

a) Đường giao thông đối ngoại:

Đường QL.17 có mặt cắt ngang quy hoạch rộng $48,50\text{m} = 5,0\text{m}$ (vỉa hè) + $7,0\text{m}$ (làn đường gom) + $0,5\text{m}$ (dải phân cách) + $10,5\text{m}$ (làn đường chính) + $2,5\text{m}$ (dải phân cách giữa) + $10,5\text{m}$ (làn đường chính) + $0,5\text{m}$ (dải phân cách) + $7,0\text{m}$ (làn đường gom) + $5,0\text{m}$ (vỉa hè).

b) Đường giao thông nội bộ:

Mặt cắt 1-1: $50,00\text{m} = 5,00\text{m}$ (vỉa hè) + $14,00\text{m}$ (lòng đường) + $12,00\text{m}$ (dải cây xanh) + $14,00\text{m}$ (lòng đường) + $5,00\text{m}$ (vỉa hè);

Mặt cắt 2-2: $40,00\text{m} = 8,00\text{m}$ (vỉa hè) + $10,50\text{m}$ (lòng đường) + $3,00\text{m}$ (dải phân cách giữa) + $10,50\text{m}$ (lòng đường) + $8,00\text{m}$ (vỉa hè);

Mặt cắt 3-3: $30,00\text{m} = 7,50\text{m}$ (vỉa hè) + $15,00\text{m}$ (lòng đường) + $7,50\text{m}$ (vỉa hè);

Mặt cắt 4-4: $25,00\text{m} = 5,00\text{m}$ (vỉa hè) + $15,00\text{m}$ (lòng đường) + $5,00\text{m}$ (vỉa hè);

Mặt cắt 5-5: $25,00\text{m} = 7,50\text{m}$ (vỉa hè) + $15,00\text{m}$ (lòng đường) + $2,50\text{m}$ (vỉa hè).

Cụ thể theo Bản đồ quy hoạch giao thông.

c) Bãi đỗ xe tập trung: Quy hoạch bãi đỗ xe tập trung để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của khu vực quy hoạch; áp dụng các giải pháp thiết kế bề mặt bãi đỗ xe có tính thấm cao để bổ sung nguồn nước ngầm.

5.3. Cấp nước

Tổng nhu cầu công suất cấp nước cho khu công nghiệp khoảng $5.595\text{m}^3/\text{ngàyđêm}$.

Nguồn cấp nước dự kiến được lấy từ 2 nguồn.

- Nguồn số 1: Giai đoạn đầu khi một số các nhà máy xí nghiệp đầu tư xây dựng nhu cầu lưu lượng cấp nước còn nhỏ thì tạm thời sử dụng nguồn nước sạch từ Nhà máy nước mặt Bắc Ninh quản lý để cấp nước cho Khu công nghiệp;

- Nguồn số 2: Giai đoạn khi khu công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy cao. Định hướng quy hoạch khai thác nước thô từ nguồn nước mặt sông Cầu dẫn về nhà máy cấp nước đặt tại vị trí chức năng đất hạ tầng kỹ thuật để xử lý và cung cấp toàn bộ nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy cho Khu công nghiệp với công suất thiết kế khoảng $5.595\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

Mạng lưới đường ống cấp nước phân phối sử dụng đường ống HDPE có đường kính D110-D200mm;

Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt. Trụ cứu hỏa được bố trí tại các ngã ba, ngã tư để thuận tiện cho việc phòng cháy chữa cháy với khoảng cách $\leq 150\text{m}/\text{trụ}$.

5.4. Cấp điện

Tổng công suất cấp điện cho khu quy hoạch khoảng 48,66MW.

Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện cho khu vực dự kiến được cấp bởi Trạm 110kV Quế Võ 3 công suất 63MW.

Lưới điện: Đầu tư xây dựng mới lưới điện 22kV tiêu chuẩn theo nhu cầu phát triển phụ tải của Khu công nghiệp.

Sử dụng giải pháp đi ngầm và được đặt trong hào cáp hoặc công bả kỹ thuật đối với các tuyến cáp điện trung thế giao cắt với đường.

Mạng điện hạ thế 0,4kV trong khu vực sẽ được nghiên cứu và tính toán phù hợp tùy thuộc vào việc bố trí tổng mặt bằng của từng nhà máy, xí nghiệp;

Mạng điện chiếu sáng: Nguồn điện chiếu sáng được lấy từ trạm biến áp cấp cho khu dịch vụ, công cộng. Khoảng cách giữa các đèn chiếu sáng từ 30-35m tùy thuộc vào việc bố trí đèn chiếu sáng (chiếu sáng 1 bên, hai bên hay so le). Đối với chiếu sáng vườn hoa cây xanh sẽ được tính toán và thiết kế trong các đồ án riêng.

Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái các nhà xưởng, nhà văn phòng điều hành của KCN.

5.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Tổng nhu cầu thông tin liên lạc: 730 thuê bao.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông của Khu công nghiệp có độ bao phủ rộng, công nghệ hiện đại, cung cấp đa dịch vụ, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong khu quy hoạch; đảm bảo độ phủ 100% của sóng 5G trong KCN.

5.6. Thoát nước thải

- Tổng lưu lượng thoát nước thải khoảng $4.692\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Quy hoạch trạm xử lý nước thải có công suất $4.692\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của khu quy hoạch để xử lý nước thải phát sinh trong toàn bộ Khu công nghiệp.

- Nước thải được thu gom tối thiểu đạt 80% và phải xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định về bảo vệ môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

5.7. Quản lý chất thải rắn

- Tổng khối lượng chất thải rắn khoảng 16,84 tấn/ngày đêm.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt 100%. Chất thải rắn được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung để xử lý đảm bảo theo quy định về bảo vệ môi trường.

5.8. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Không chế và giảm thiểu trong giai đoạn xây dựng: Không chế và giảm thiểu tác động môi trường do hoạt động san lấp mặt bằng; không chế và giảm thiểu tác động do xây dựng nền móng, công trình ngầm, khu vực lưu trữ, hệ thống giao thông, khu chức năng công nghiệp; không chế và giảm thiểu tác động môi trường do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị; không chế và giảm thiểu tác động môi trường do hoạt động dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu; không chế và giảm thiểu tác động môi trường do sinh hoạt của công nhân tại công trình.

- Không chế và giảm thiểu ô nhiễm trong giai đoạn hoạt động: Không chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí; Không chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước; Không chế và giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn.

- Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên liệu; phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ; phòng chống sét, thiết bị an toàn.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

- Khu vực lập quy hoạch đối mặt với các vấn đề môi trường chính: Nước mặt và nước ngầm có nguy cơ ô nhiễm từ nước thải công nghiệp; không khí và tiếng ồn chịu ảnh hưởng từ hoạt động xây dựng, giao thông; ô nhiễm bởi chất thải rắn (16,84 tấn/ngày).

- Trong giai đoạn xây dựng, các hoạt động san lấp và thi công gây ô nhiễm bụi, tiếng ồn và nước thải.

- Trong giai đoạn vận hành, khu công nghiệp cải thiện hạ tầng kỹ thuật nhưng làm tăng nguy cơ ô nhiễm từ sản xuất và giao thông.

- Giải pháp ưu tiên bao gồm xây dựng nhà máy xử lý nước thải công suất 4.692 m³/ngày đêm tại khu đất HT; hệ thống quản lý chất thải rắn được triển khai để phân loại và xử lý hiệu quả; cây xanh cách ly chiều rộng tối thiểu 10,0m được trồng quanh khu công nghiệp để giảm tác động môi trường; công tác giám sát môi trường định kỳ được thực hiện để kiểm soát ô nhiễm; chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường được áp dụng; nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường được nâng cao thông qua giáo dục và truyền thông.

- Các dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật. Kiểm soát và có giải pháp giảm thiểu các tác động khi triển khai xây dựng và đưa dự án vào hoạt động.

- Các giải pháp đề xuất phòng ngừa, giảm thiểu khắc phục môi trường được nghiên cứu đề xuất làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng. Các dự án đầu tư xây dựng khi triển khai xây dựng sẽ thực hiện đánh giá môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Quy định quản lý theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành sau khi quy

hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Xây dựng, Công ty TNHH H2T Bắc Ninh và các địa phương tổ chức công bố công khai quy hoạch theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Công ty TNHH H2T Bắc Ninh lập hồ sơ cắm mốc và tổ chức thực hiện cắm mốc ngoài thực địa theo quy hoạch được phê duyệt xong trong tháng 9/2025; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định, tránh tình trạng lấn chiếm, chồng chéo, vi phạm quy hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 3 Quyết định này, có trách nhiệm thường xuyên rà soát, đối chiếu các quy hoạch, kế hoạch và các quy định của pháp luật, nếu có vướng mắc cần kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương; UBND phường Quế Võ, UBND phường Đào Viên, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh, Công ty TNHH H2T Bắc Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN, KTTH, THĐT;
- Lưu: VT, KTN.Minh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh